

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 369/2024/DS-PT

Ngày 12-7-2024

*“V/v tranh chấp về dân sự đòi
lại tiền bồi thường do thu hồi
đất”*

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Dũng.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Võ Thị Trang, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024, *“V/v tranh chấp về dân sự đòi lại tiền bồi thường do thu hồi đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 303/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 349/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Tấn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: C, ấp P, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T: Luật sư Nguyễn Chí L, Văn phòng luật sư Linh Nguyễn t đoàn luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số C Q, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Phạm Hoàng S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số F N, Khóm E, Phường A, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh S: Anh Cao Minh T1, sinh năm 1970. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022.

Địa chỉ: Số B, khóm S, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh S: Luật sư Đặng Thúc V- Văn phòng luật sư Chí C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1970.

2. Anh Phạm Minh H1, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Lô G R33 + R34 KDC T, phường A, thành phố S, Đồng Tháp.

3. Chị Đoàn Thị Ngọc T2, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số C, ấp P, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

4. Chị Huỳnh Ngọc Văn T3, sinh năm 1983.

5. Bà Văn Thị M, sinh năm 1959.

Cùng địa chỉ: Số A Hồ X, Khóm A, Phường A, thành phố S, Đồng Tháp.

6. Bà Võ Thị T4, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số B ĐT 848, khóm T, phường A, thành phố S, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà T4, bà M, chị T3: Anh Cao Minh T1, sinh năm 1970. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022, ngày 15/7/2023.

Địa chỉ: Số B, khóm S, phường T, thành phố S, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T3, bà M: Luật sư Đặng Thúc V, Văn phòng L1 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đ.

* *Người kháng cáo:* Anh Phạm Tấn T là nguyên đơn.

Anh T, anh H1, chị H, chị T2, Luật sư L, Luật sư V có mặt tại phiên tòa. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Phạm Tấn T trình bày:*

Nhà, đất tranh chấp có nguồn gốc anh Phạm Hoàng S nhận chuyển nhượng của Quỹ tín dụng nhân dân xã T, thành phố S thuộc thửa 01, tờ bản đồ số 12, diện tích 104,7m², đất tọa lạc tại đường N, Khóm B, Phường B, thành phố S, giá chuyển nhượng khoảng 800 - 900 triệu đồng (không nhớ rõ), nguồn tiền nhận chuyển nhượng là của anh H1, chị H đưa cho anh S và anh S được UBND thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất ngày 10/12/2008 (chính trang 4). Đến ngày 19/6/2009 anh S làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị, chi phí bao nhiêu anh T không rõ.

Năm 2016 anh S tiến hành thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất được UBND thành phố S cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 92,6m² thuộc thửa 01, tờ bản đồ số 12 cho anh Phạm Hoàng S đứng tên ngày 07/4/2016.

Tuy nhiên, theo anh T cho rằng số tiền mà anh S nhận chuyển nhượng đất trên là của anh Phạm Minh H1, chị Nguyễn Thị Hồng H (tiền nhận chuyển nhượng bao nhiêu thì anh T không rõ), nhưng để cho anh S đứng tên do thời điểm đó trong gia đình gồm anh T, anh S, anh H1 cùng nhau kinh doanh xưởng gia công bao tử cá, tiền lương của anh T, anh S do anh H1 trả theo công việc làm. Khi đó, anh H1 nói anh S, anh T tìm mua đất ở thành phố S giá rẻ để đầu tư, tiền nhận chuyển nhượng do anh H1 bỏ ra, anh S đứng tên giao dịch, sau này bán có lợi nhuận sẽ cùng chia cho ba anh, em.

Đến khoảng tháng 02/2018 gia đình gồm vợ chồng anh H1, chị H, anh S, chị Huỳnh Ngọc Văn T3, anh T, chị Đoàn Thị Ngọc T2 cùng mẹ ruột tên Võ Thị T4 cùng thống nhất giao thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, diện tích 92,6m² cùng căn nhà gắn liền với đất tọa lạc tại đường N, Khóm B, Phường B, thành phố S cho vợ chồng anh T, chị T2 quản lý sử dụng. Anh S hẹn ngày hôm sau sẽ đến phòng công chứng thực hiện thủ tục sang tên nhà đất trên cho anh T, chị T2 nhưng đến nay anh S vẫn chưa thực hiện, do là anh em trong gia đình nên việc thỏa thuận trên chỉ nói miệng.

Năm 2021, Nhà nước thu hồi phần đất trên để mở rộng đường N, Khóm B, Phường B, thu hồi diện tích 73m², bồi thường số tiền 1.181.760.020 đồng do do ông S trực tiếp nhận tiền bồi thường, diện tích còn lại 19,6m² hiện anh S đã tặng

cho mẹ vợ là bà Văn Thị M được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 23/6/2022.

Nay do diện tích đất đã bị thu hồi mở rộng đường Nguyễn Sinh S1 và đã bồi thường tiền anh S nhận xong nên anh Phạm Tấn T yêu cầu anh Phạm Hoàng S, chị Huỳnh Ngọc Văn T3 trả lại số tiền bồi thường thu hồi đất là 1.181.760.020đ cho anh T.

Đối với phần diện tích đất còn lại 19,6m² thửa số 01, tờ bản đồ số 12 do bà Văn Thị M đứng tên giấy chứng nhận QSD đất anh T không yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác.

Chị T2 là vợ anh T thống nhất theo lời trình bày của anh T, không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Đối với các Quyết định thu hồi, bồi thường đất tranh chấp của Ủy ban, đương sự không có tranh chấp yêu cầu gì.

Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

- *Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên toà anh Cao Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Phạm Hoàng S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Ngọc Văn T3, bà Võ Thị T4, bà Văn Thị M trình bày:*

Về phía bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, vì bị đơn cho rằng thửa đất 01, tờ bản đồ số 12, diện tích 92,6m² cùng căn nhà gắn liền với đất là của vợ chồng anh S, chị T3 nhận chuyển nhượng từ Quỹ tín dụng nhân dân T, giá chuyển nhượng 750.000.000 đồng, từ nguồn tiền của anh S, chị T3 không phải tiền của anh H1 bỏ ra và cũng không có liên quan gì đến anh T, chị T2, anh H1, chị H và bà T4. Khi Nhà nước mở rộng đường N thu hồi diện tích 73m² và bồi thường số tiền 1.181.760.020đ, diện tích còn lại 19,6m² anh S tặng cho mẹ vợ là bà Văn Thị M (hiện do bà M đứng tên giấy chứng nhận QSD đất ngày 13/7/2022), anh S, chị T3 không còn đứng tên đất. Hiện số tiền bồi thường đất anh S đã nhận xong.

Quá trình sử dụng đất anh S có chuyển mục đích sử dụng đất thành ở đô thị, số tiền bao nhiêu anh S không nhớ và tiền chuyển mục đích là của anh S. Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T thì anh S cũng không yêu cầu tranh chấp

gì đối với số tiền chuyển mục đích sử dụng, nếu có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Chị T3 là vợ anh S, bà T4, bà M là mẹ ruột và mẹ vợ của anh S thống nhất lời trình bày của anh S.

Ngoài ra, không có ý kiến gì thêm.

- *Chị Đoàn Thị Ngọc T2 là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng H, anh Phạm Minh H1 trình bày:*

Anh H1, chị H là anh và chị dâu của anh T thống nhất theo lời trình bày của anh T, không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Trường hợp, Tòa chấp nhận yêu cầu của anh T buộc anh S trả tiền bồi thường đất cho anh T thì anh H1, chị H cũng thống nhất không có ý kiến gì.

- Tại Quyết định bản án sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Phạm Tấn T về việc yêu cầu anh Phạm Hoàng S, chị Huỳnh Ngọc Văn T3 liên đới trả lại số tiền 1.181.760.020 đồng cho anh T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá; quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 10 năm 2023, anh Phạm Tấn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Anh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Phạm Hoàng S, chị Huỳnh Ngọc Văn T3 liên đới trả lại cho anh T số tiền bồi thường đất mà anh S đã nhận là 1.181.760.020 đồng và yêu cầu xem xét lại phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T xác định kháng cáo chỉ yêu cầu anh S và chị T3 liên đới trả số tiền nhà nước bồi thường là 1.181.760.020 đồng.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T trình bày:

Các nhân chứng ông S2, ông D đều thừa nhận tiền chuyển nhượng đất là của anh H1 và chị H do anh, em ruột, nên không có làm giấy tờ. Anh T và anh S chỉ là người làm công, nên không có tiền mua đất. Mặc dù, anh S đứng tên người chuyển

nhượng đất, nhưng tiền chuyển nhượng đất là của anh H1, chị H. Đất cấp cho cá nhân của anh S, nhưng chị T3 nói là tài sản chung của vợ chồng là không đúng và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T, buộc anh S và chị T3 liên đới trả cho anh T số tiền 1.181.760.020 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh S, chị T3 trình bày: Anh S là người trực tiếp thỏa thuận chuyển nhượng đất của Q Tín dụng xã T và là người trả tiền cho Q Tín dụng xã T. Sau khi chuyển nhượng đất, anh S được Ủy ban nhân dân thành phố S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố S thu hồi đất của anh S và bồi thường cho anh S số tiền 1.181.760.020 đồng. Các nhân chứng ông S3, anh D chỉ nghe nói lại, không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của Phạm Tấn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Tấn T yêu cầu anh Phạm Hoàng S, chị Huỳnh Ngọc Văn T3 liên đới trả lại cho anh T số tiền bồi thường đất mà anh S đã nhận là 1.181.760.020 đồng.

[3] Theo anh T, vào khoảng năm 2008 anh Phạm Minh H1 và vợ là chị Nguyễn Thị Hồng H (anh H1 là anh ruột của anh T và anh S), có nói với anh T và anh S có phần đất nào rảnh, bán sinh lời thì báo cho anh H1 và chị H biết, để anh H1 và chị H xuất tiền ra mua, khi chuyển nhượng có lời thì cùng chia. Cũng trong năm 2008, từ nguồn tiền của anh H1 và chị H, nên anh S thỏa thuận chuyển nhượng phần đất của Quỹ Tín dụng xã T thửa đất số 1, tờ bản đồ số 12, diện tích 104,7m², với giá 750.000.000 đồng và anh S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/12/2008. Năm 2016, anh S được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1, tờ bản đồ số 12, diện tích 92,6m². Năm 2018, gia đình hợp mặt gồm: Anh H1, chị H, anh S, chị T3, có mặt bà Võ Thị T4 là mẹ thống nhất anh S và chị T3 sang tên phần đất thửa đất 1, tờ bản đồ số 12, diện tích 96,2m² cho anh T và vợ là chị Đoàn Thị Ngọc T2 đứng tên, nhưng sau đó anh S và chị T3 không thực hiện. Đến năm 2020, Nhà nước mở rộng đường N thu hồi diện tích 73 m² thửa đất số 1, tờ bản đồ 12 và bồi thường cho anh S số tiền 1.181.760.020 đồng. Diện tích đất còn lại 19,6m², anh S tặng cho bà Văn Thị M và bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2022. Do vậy, anh T khởi kiện yêu cầu anh S và chị T3 liên đới trả lại số tiền 1.181.760.020 đồng.

[4] Anh S và chị T3 không đồng ý.

[5] Xét thấy, về phía anh T cũng như anh H1, chị H không có chứng cứ chứng minh là có việc thỏa thuận anh T, anh S tìm đất có giá rẻ báo cho anh H1 và chị H xuất tiền mua bán sinh lời cùng chia và cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền chuyển nhượng đất của Quỹ Tín dụng xã T là anh H1, chị H đưa cho anh S.

[6] Anh T có cung cấp nhân chứng là ông Phạm Văn S4, anh Đinh Anh D1. Ông S4 có xác nhận ngày 06/9/2023: Ông S4 là chú ruột của anh H1, anh T, anh S và là người làm công tại cơ sở chế biến bao tử cá của anh H1 và chị H và ông S4 biết hàng tuần thì anh H1, chị H có gửi tiền về cho anh S để mua hàng hóa phục vụ việc kinh doanh bao tử cá và theo ông S4 biết anh H1, anh T, anh S có cùng nhau mua đất để kinh doanh. Tuy nhiên, theo ông S4 sau khi nghỉ làm thì được biết (nghe nói lại) anh H1, anh T, anh S có mua được đất mặt tiền đối diện tượng đài Bác H2. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S4 xác định không trực tiếp chứng kiến việc anh H1, chị H giao tiền cho anh S, để mua đất.

[7] Tại biên bản phiên tòa ngày 07/9/2023, ông D1 khai: Ông Ứ chồng bà T4 kêu anh S mua đất, nhưng không rõ vị trí. Ông D1 thấy anh H1 đưa tiền cho anh S một cọc, nhưng không biết bao nhiêu và tại biên bản phiên tòa ngày 07/9/2023, khi được hỏi: Anh S, chị T3 cho rằng tài sản đó là của anh S, chị T3 bỏ tiền ra mua đúng không, ông D1 đáp “đúng”.

[8] Như vậy, qua lời khai của ông S4 thì sau khi ông S4 nghỉ làm, mới nghe nói lại anh H1, anh S, anh T có mua được phần đất đối diện tượng đài Bác H2, chứ ông S4 không trực tiếp chứng kiến việc thỏa thuận chuyển nhượng đất cũng như giao nhận tiền. Lời khai của ông D1 có nhiều mâu thuẫn, thiếu nhất quán, nên không đủ cơ sở xác định tiền chuyển nhượng phần đất của Q Tín dụng xã T là của anh H1 và chị H. [9] Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/6/2008 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/10/2008 thể hiện: Bên chuyển nhượng: Quỹ Tín dụng xã T, đại diện pháp nhân là ông Phạm Anh D2- chức vụ Giám đốc; Bên nhận chuyển nhượng: Ông Phạm Hoàng S, cả 02 Hợp đồng đều có chứng nhận của Phòng Công chứng.

[10] Tại biên bản bàn giao ngày 20/5/2008 thể hiện: Ông Phạm Hoàng S đã nộp đủ tiền đầu giá căn nhà là 750.000.000 đồng. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai ngày 17/8/2023 của ông Nguyễn Ngọc T5, hiện là Giám đốc Quỹ Tín dụng xã T trình bày: Năm 2008, Quỹ Tín dụng xã T có chuyển nhượng cho ông Phạm Hoàng S thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, diện tích 104,7m², cùng căn nhà gắn liền với đất, giá 750.000.000 đồng. Ông S là người trực tiếp giao dịch và trả tiền.

[11] Phần đất anh S nhận chuyển nhượng đến ngày 10/12/2008 anh S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 01, tờ bản đồ số 12, diện tích 104,7m².

[12] Ngày 12/02/2020, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND-NĐ về việc thu hồi diện tích 73m², thửa số 1, tờ bản đồ số 12 của anh Phạm Hoàng S để mở rộng đường N và Ngày 09/3/2020, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 30/QĐ.HĐBT&TĐC, về việc bồi hoàn cho anh Phạm Hoàng S số tiền 1.181.760.020 đồng.

[13] Qua các cơ sở chứng cứ trên, xác định anh Phạm Hoàng S là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Quỹ Tín dụng xã T. Vì thế, anh T kháng cáo yêu cầu anh S và chị T3 liên đới trả số tiền Nhà nước bồi thường cho anh S là 1.181.760.020 đồng là không có căn cứ.

[14] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H1, chị H xác định phần đất chuyển nhượng của Quỹ Tín dụng, anh H1 và chị H cho tiền anh T chuyển nhượng, nên thống nhất theo yêu cầu của anh T và cũng không có tranh chấp hoặc yêu cầu gì.

[15] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh T. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên đề nghị của Luật sư chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[16] Xét, đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh S, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T. Xét thấy, cũng như phần nhận định trên, đề nghị của Luật sư là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là không chấp nhận kháng cáo của anh T là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Tấn T6, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[19] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[20] Do kháng cáo của anh T6 không được chấp nhận, nên anh T6 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 308; khoản 1, Điều 148; Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Tấn T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

1- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Phạm Tấn T về việc yêu cầu anh Phạm Hoàng S, chị Huỳnh Ngọc Văn T3 liên đới trả lại số tiền 1.181.760.020 đồng cho anh T.

2. Về án phí dân sự:

2.1 Anh Phạm Tấn T nộp 47.452.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh T đã nộp 14.000.000 đồng, theo biên lai số 0001116 ngày 01/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc được chuyển thành án phí. Anh T còn phải nộp 35.452.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Anh Phạm Tấn T nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003206 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp, được chuyển thành tiền án phí.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Anh Phạm Tấn T phải chịu 2.809.680 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đo đạc, định giá 2.809.680 đồng anh T đã nộp tạm ứng chi xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Tấn Tạng